TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **226**/2026/HS-ST.
Ngày: 17 - 9 - 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Viễn và bà Đào Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2026, tại Cơ sở 1 Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2026/TLST-HS, ngày 13 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2026/QĐXXST-HS, ngày 03/9/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Ngọc T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/5/1980 tại thành phố Hà Nội. Số CCCD 008080008557.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T7 (nay là tổ dân phố T), phường M, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ (Đã bị khai trừ theo Quyết định thi hành kỷ luật số 154/QĐ-UBKT ngày 28/02/2025 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy T8); con ông Hà Quang T1 và con bà Lê Hương L; có vợ Chu Thị An T2 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2016.

* Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Bản án số 08/2025/HSST, ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng về tội Trốn thuế quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự (hành vi phạm tội xảy ra từ năm 2020).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Có mặt tại phiên tòa).*

** Người làm chứng:* Chị Đoàn Thị Hồng N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/3/1988; Nơi cư trú: Tổ dân phố H (nay là tổ dân phố A), phường N, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, Hà Ngọc T, trú tại tổ dân phố T, phường M, tỉnh Tuyên Quang thành lập Công ty TNHH MTV X (sau đây gọi tắt là công ty X), mã số doanh nghiệp E, có địa chỉ tại tổ dân phố I, phường N, tỉnh Tuyên Quang để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. T nhờ ông Hà Đình T3 (tên gọi khác là Hà Anh T4, em trai ruột của T), trú tại tổ dân phố I, phường N, đứng tên là người đại diện theo pháp luật của Công ty X, giữ chức vụ giám đốc, còn T giữ chức vụ phó giám đốc, nhưng thực tế T là người quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty X.

Khoảng năm 2021, trong quá trình kinh doanh, T nảy sinh ý định mua các hóa đơn giá trị gia tăng khống để hợp thức việc mua các hàng hóa, dịch vụ không có nguồn gốc, không có hóa đơn, chứng từ theo quy định và sử dụng các hóa đơn khống này để hạch toán chi phí đầu vào phục vụ kê khai thuế. T sử dụng tài khoản mạng xã hội Z, Facebook để tìm và liên hệ với người bán hóa đơn khống (không xác định được thông tin, địa chỉ cụ thể). Tân trao đổi, cung cấp thông tin của công ty X, thông tin về hàng hóa, dịch vụ cùng giá tiền cần ghi trên hóa đơn cho người bán hóa đơn khống, thống nhất với người này tiền mua hóa đơn là 4% giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Sau đó, người bán hóa đơn khống sẽ in sẵn các bản giấy hóa đơn có nội dung như T yêu cầu và gửi cho T qua dịch vụ bưu chính, số tiền mua hóa đơn được T trả cho người giao bưu kiện.

Bằng phương thức trên, từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021, T đã mua trái phép 28 hóa đơn giá trị gia tăng, trong đó có 12 hóa đơn của công ty TNHH Đ1, mã số thuế 0108121183; 08 hóa đơn của Công ty TNHH T9 và bán buôn máy móc phụ tùng Văn Bính, mã số thuế 0109038876; 06 hóa đơn của Công ty TNHH Đ2, mã số thuế 0108370126 và 02 hóa đơn của Công ty TNHH T10, mã số thuế 0107755557, với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi khống trên 28 hóa đơn là 445.182.403 đồng, tiền thuế GTGT là 44.518.240 đồng, tổng giá trị thanh toán sau thuế là 489.700.643 đồng. Tổng số tiền phí mà T trả cho người bán để mua 28 hóa đơn là 17.776.000 đồng.

T đưa các hóa đơn mua trái phép được nêu trên cho chị Đoàn Thị Hồng N, trú tại tổ dân phố A, phường N, tỉnh Tuyên Quang, là kế toán của Công ty X, chỉ đạo chị N sử dụng các hóa đơn này để hạch toán, kê khai thuế tại kỳ tính thuế Quý 3 và Q 4 năm 2021 cho Công ty X, mục đích làm giảm số thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty phải nộp. Đến tháng 12/2023, T nhận được thông báo của cơ quan thuế, cảnh báo rủi ro về việc sử dụng hóa đơn của công ty TNHH Đ1 nên T chỉ đạo chị N kê khai bổ sung, loại bỏ 12 hóa đơn giá trị gia tăng của công ty này khỏi hồ sơ kế toán, hạch toán chi phí đầu vào và kê khai thuế của công ty, đối với 16 hóa đơn còn lại T không tiến hành kê khai bổ sung, điều chỉnh.

Kết luận giám định số 66/KL-TQU-GĐTP ngày 30/6/2026 của Tổ Giám định số 396/QĐ-TQU, Thuế tỉnh T kết luận:

Công ty TNHH MTV X sử dụng không hợp pháp hóa đơn (28 số hóa đơn khống) để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại các kỳ tính thuế quý 3/2021, quý 4/2021, để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN năm 2021, làm giảm số tiền thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp là hành vi trốn thuế GTGT, trốn thuế TNDN theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Tổng số thuế GTGT, thuế TNDN trốn là 55.568.346 đồng. Trong đó: Thuế GTGT trốn số tiền 25.386.715 đồng, thuế TNDN trốn số tiền 30.181.631 đồng.

Theo Bản án hình sự số 115 ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xác định: Công ty TNHH Đ1, mã số thuế 0108121183; Công ty TNHH T9 và bán buôn máy móc phụ tùng Văn Bính, mã số thuế 0109038876; Công ty TNHH Đ2, mã số thuế 0108370126 và Công ty TNHH T10, mã số thuế 0107755557 là các công ty do Nguyễn Minh T5 trú tại Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai và đồng phạm mua lại sau đó thông qua mạng lưới đối tượng trung gian để bán trái phép hóa đơn cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn cả nước.

Tại bản Cáo trạng số 120/CT-VKSKV1 ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Hà Ngọc T về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Ngọc T phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Hà Ngọc T từ 100.000.000đ đến 150.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật, bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục thừa nhận hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố. Ngoài lời khai nhận tội, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng

các hóa đơn đã thu giữ; kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên toà không phát sinh tình tiết mới, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021, Hà Ngọc T, trú tại tổ dân phố T, phường M, tỉnh Tuyên Quang có hành vi mua trái phép 28 hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung cho Công ty TNHH MTV X với tổng giá trị trước thuế ghi trên hóa đơn là 445.182.403 đồng, tiền thuế GTGT là 44.518.240 đồng, tiền sau thuế là 489.700.643 đồng.

Hành vi nêu trên của Hà Nọc T6 đã phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang truy tố bị cáo Hà Ngọc T về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý thuế, hóa đơn, chứng từ; làm giảm nguồn thu ngân sách Nhà nước. Do vậy, cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua, sử dụng hóa đơn khống để kê khai, hạch toán nhằm giảm số thuế phải nộp là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Mặc dù không đứng tên người đại diện theo pháp luật nhưng thực tế bị cáo là người trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty TNHH MTV X.

Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021, bị cáo đã trực tiếp tìm kiếm, thỏa thuận, mua 28 hóa đơn giá trị gia tăng khống với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước thuế là 445.182.403 đồng, trả phí mua hóa đơn 17.776.000 đồng, sau đó đưa cho kế toán Công ty là chị Đoàn Thị Hồng N và chỉ đạo chị N sử dụng để hạch toán, kê khai thuế cho Công ty. Hành vi của bị cáo làm giảm số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp, với tổng số tiền thuế trốn là 55.568.346 đồng, trong đó thuế GTGT là 25.386.715 đồng và thuế TNDN là 30.181.631 đồng. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo được tặng giấy chứng nhận danh hiệu hội viên sản xuất kinh doanh giỏi cấp trung ương trong các năm 2018, 2019, 2022, 2023; có mẹ đẻ là bà Lê Hương L được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Xét nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, ngày 23/01/2025, bị cáo bị

Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang) xử phạt 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng về tội "Trốn thuế" theo Bản án số 08/2025/HS-ST. Hành vi phạm tội trong vụ án này cùng thời điểm với hành vi bị cáo đã bị xét xử tại Bản án số 08/2025/HS-ST nêu trên, do đó bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội trong thời gian thử thách của án treo. Xét bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp pháp luật, đồng thời vẫn đảm bảo tính nghiêm minh và có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi Công ty X sử dụng không hợp pháp 28 hóa đơn khống để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng quý 3, quý 4 năm 2021 để trốn thuế là 55.568.346 đồng (dưới 100.000.000 đồng) nên không cấu thành tội Trốn thuế, quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự. Ngày 15/7/2026, Cơ quan điều tra có Công văn số 2950 chuyển tài liệu liên quan của Công ty X đến cơ quan Thuế tỉnh Tuyên Quang để xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chị Đoàn Thị Hồng N là người sử dụng các hóa đơn giá trị gia tăng khống để kê khai thuế cho Công ty X nhưng chị N không biết nguồn gốc các hóa đơn này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Hà Đình T3 (tên gọi khác: Hà Anh T4) là người được T nhờ đứng tên làm giám đốc công ty X nhưng không tham gia vào việc mua trái phép hóa đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Nguyễn Minh T5 và đồng phạm là các đối tượng đã bán trái phép hóa đơn cho Hà Ngọc T đã bị xử lý theo Bản án hình sự số 115 ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 183 tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P chuyển tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T để làm rõ hành vi mua và sử dụng trái phép hóa đơn do Nguyễn Minh T5 và đồng phạm bán trái phép, quá trình điều tra xác định: Có 113 đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có dữ liệu dưới 10 hóa đơn GTGT (trong đó có 06 đơn vị, doanh nghiệp do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P cung cấp bị trùng dữ liệu mã số thuế), Cơ quan điều tra ban hành Văn bản số 2213/CSKT-Đ2 ngày 15/6/2026 chuyển hồ sơ, tài liệu đến Thuế tỉnh T để kiểm tra, giải quyết theo quy

định; 01 đơn vị thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra trong Q1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ban hành Văn bản số 2925 ngày 13/7/2026 chuyển hồ sơ tài liệu có liên quan đến Cơ quan điều tra hình sự Các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ Q2 để xử lý theo thẩm quyền; 48 tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân (trong đó có 02 đơn vị, doanh nghiệp do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P cung cấp bị trùng dữ liệu mã số thuế) không có căn cứ, tài liệu chứng minh những đối tượng này có hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên không có căn cứ để xem xét, xử lý. Còn lại 10 tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (trong đó có 03 đơn vị, doanh nghiệp do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P cung cấp bị trùng dữ liệu mã số thuế) có dấu hiệu mua trái phép hóa đơn GTGT từ các công ty do Nguyễn Minh T5 thành lập, quản lý, Cơ quan điều tra ban hành Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 4005/QĐ-CSKT(Đ2) ngày 13/7/2026 để tiếp tục điều tra theo quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Hà Ngọc T phạm tội *"Mua bán trái phép hóa đơn"*.

1. Về hình phạt:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: Phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Hà Ngọc T 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng)* để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ: Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/9/2026)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn